

TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẮC NINH
TỔ TIẾNG ANH
(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 1
NĂM HỌC 2018 – 2019

Môn: Tiếng Anh

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

Mã đề thi 101

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban Chuyên môn Tuyensinh247.com

Question 1	B	Question 11	C	Question 21	C	Question 31	A	Question 41	A
Question 2	D	Question 12	B	Question 22	B	Question 32	D	Question 42	A
Question 3	B	Question 13	A	Question 23	D	Question 33	D	Question 43	C
Question 4	B	Question 14	C	Question 24	D	Question 34	D	Question 44	A
Question 5	A	Question 15	C	Question 25	B	Question 35	A	Question 45	B
Question 6	A	Question 16	B	Question 26	C	Question 36	A	Question 46	A
Question 7	A	Question 17	A	Question 27	D	Question 37	D	Question 47	B
Question 8	A	Question 18	D	Question 28	A	Question 38	B	Question 48	C
Question 9	D	Question 19	B	Question 29	D	Question 39	C	Question 49	C
Question 10	B	Question 20	B	Question 30	C	Question 40	C	Question 50	D

Question 1. B

Kiến thức: Trọng âm từ có 3 âm tiết

Giải thích:

establish /ɪ'stæb.lɪʃ/

renovate /'ren.ə.veɪt/

encourage /ɪn'kʌr.ɪdʒ/

remember /rɪ'mem.bər/

Câu B trọng âm rơi vào âm tiết 1, còn lại rơi vào âm tiết 2.

Đáp án: B

Question 2. D

Kiến thức: Trọng âm từ có 2 âm tiết

Giải thích:

measure /'meɪ.ʒər/

context /'kɒn.tekst/

postcard /'pəʊst.kɑ:d/

resource /rɪ'zɔ:s/

Câu D trọng âm rơi vào âm tiết 2, còn lại rơi vào âm tiết 1.

Đáp án: D

Question 3. B

Kiến thức: Ngôn ngữ giao tiếp

Giải thích:

- “Bạn có phiền nếu tôi ngồi đây không?” - “.”

- A. Không tôi phiền đó
- B. Không phiền đâu, bạn cứ ngồi đi
- C. Có phiền, bạn cứ ngồi đi
- D. Có, tôi không phiền đâu.

Đáp án: B

Question 4. B

Kiến thức: Ngôn ngữ giao tiếp

Giải thích:

Jenny: “ Tôi nghĩ tiêu chuẩn sống cao hơn là một trong những lý do nhiều người muốn trở thành người thành thị.” - Mark: “.”

- A. Tại sao không nhỉ?
- B. Tôi hoàn toàn đồng ý với bạn.
- C. Bạn thật tốt khi nói như thế.
- D. Cũng được đó.

Đáp án: B

Question 5. A

Kiến thức: Từ trái nghĩa

Giải thích:

embracing (v): chấp nhận, ủng hộ
rejecting (v): từ chối
obscuring (v): che khuất, làm mờ
disobeying (v): làm trái luật, không vâng lời
contradicting (v): đính chính, nói ngược lại

=> embracing >< rejecting

Tạm dịch: Chấp nhận (Áp dụng) công nghệ mới sẽ giúp đất nước phát triển nhanh chóng hơn.

Đáp án: A

Question 6. A

Kiến thức: Từ trái nghĩa

Giải thích:

breathhtaking (a): ngoạn mục, đáng ngạc nhiên

unimpressive (a): không ấn tượng

unspoilt (a): hoang sơ

unadorned (a): không được trang trí, trơn

untouched (a): không bị ảnh hưởng, hoang sơ

=> breathtaking >< unimpressive

Tạm dịch: Khách sạn thật không thể tin nổi với tầm nhìn ngoạn mục và ẩm thực tuyệt vời.

Đáp án:A

Question 7.A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Ý chính của bài là gì?

- A. Những trở ngại và hướng giải quyết đối với thị trường bất động sản ở Ấn Độ.
- B. Không thể tiếp cận nhà ở đô thị
- C. Nhu cầu cải cách khẩn cấp trong phân phối nhà ở.
- D. Việc thiếu nhà ở Ấn Độ.

Thông tin: Buying a house is the single largest financial investment an individual makes. Yet, in India this act is fraught with risk and individuals depend on weak laws for justice.

Tạm dịch:

Mua nhà là khoản đầu tư tài chính lớn nhất mà một cá nhân thực hiện. Tuy nhiên, ở Ấn Độ, việc làm này đầy rủi ro và các cá nhân còn phụ thuộc vào công lý của luật pháp yếu kém.

Đáp án: A

Question 8.A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo đoạn văn, điều nào sau đây là sự chò đợi trong Rajya Sabha?

- A. Dự luật bất động sản
- B. Chương trình nhà ở phổ thông ở nông thôn.
- C. Chương trình nhà ở chung ở đô thị.
- D. Chương trình mới của chính phủ NDA

Thông tin: A real estate bill, which is presently pending in Rajya Sabha, seeks to fill this gap.

Tạm dịch: Một dự luật bất động sản, cái mà đang chờ giải quyết ở Rajya Sabha, đang tìm cách lấp đầy lỗ hổng này.

Đáp án: A

Question 9.D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Điều nào sau đây Không đúng theo đoạn văn?

- A. Ngành bất động sản của Ấn Độ cần được cải cách.
- B. Dự luật thực sự đã được xem xét kỹ lưỡng bởi hai ủy ban nghị viện.
- C. Dân số hiện tại không có nhà ở đầy đủ ở Ấn Độ.
- D. Dân số đô thị dự kiến sẽ tăng gấp đôi lên khoảng 850 triệu trong ba thập kỷ tới.

Thông tin: India is in the midst of rapid urbanization and urban population is expected to more than double to about 900 million over the next three decades.

Tạm dịch: Ấn Độ đang ở giữa thời kỳ đô thị hóa nhanh chóng, và dân số đô thị dự kiến tăng hơn gấp đôi lên khoảng 900 triệu dân trong ba thập kỷ tới.

Đáp án: D

Question 10.B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

fraught (a): đầy (rủi ro/ nguy hiểm/ điều không tốt), gây lo lắng/ khó khăn

coping (a): đối phó

contentious (a): gây tranh cãi, gây khó khăn

overflowing (a): tràn, đầy (nước, vật chất)

tolerable (a): có thể chịu đựng được

=> fraught = contentious

Đáp án: B

Question 11.C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo đoạn văn, chính quyền tiểu bang_____

- A. khuyến khích thị trường bất động sản
- B. cản trở cải cách để tiếp cận nhà ở chung ở đô thị
- C. cản trở quá trình mua nhà ở
- D. chối bỏ việc tăng phí nhà ở.

Thông tin: Some estimates suggest that real estate developers have to seek approvals of as many as 40 central and state departments, which lead to delays and an escalation in the cost of houses. Sensibly, NDA government's project to provide universal urban housing forces states to institute reforms to access central funding.

Tạm dịch: Một số ước tính gợi ý rằng các nhà phát triển bất động sản phải tìm kiếm sự đồng thuận của 40 đơn vị thuộc trung ương và tiểu bang, điều này dẫn đến sự chậm trễ và sự leo thang trong chi phí nhà đất. Một cách hợp lý khi dự án NDA của chính phủ cung cấp nhà ở đô thị ảnh hưởng tới việc tiểu bang tiếp cận tài trợ từ trung ương.

Đáp án: C

Question 12.B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ “họ” trong đoạn cuối là nhắc đến_____

- A. người phát triển
- B. chính quyền
- C. sự đánh giá
- D. những vấn đề

Thông tin: State governments play a significant role in real estate and they are often the source of problems.

Tạm dịch: Chính quyền tiểu bang đóng một vai trò quan trọng trong lĩnh vực bất động sản và họ thường là nguồn gốc của các vấn đề.

Đáp án: B

Question 13.A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Escalation (n): sự leo thang, sự tăng lên

growth (n): sự tăng lên, phát triển

revolution (n): sự xoay tròn

decrease (n): sự giảm

=> escalation = growth

Đáp án: A

Dịch đoạn văn:

Mua nhà là khoản đầu tư tài chính lớn nhất mà một cá nhân thực hiện. Tuy nhiên, ở Ấn Độ, việc làm này đầy rủi ro và các cá nhân còn phụ thuộc vào công lý của luật pháp yếu kém. Đôi khi, các nhà quảng cáo được gọi để giải thích cho việc làm giam giữ các nhà quảng bá bất động sản của Unitech. Sự cố này cho thấy lỗ hổng trong sự mối quan hệ giữa người mua và nhà quảng bá bất động sản. Một dự thảo bất động sản, cái mà đang chờ giải quyết ở Rajya Sabha, đang tìm cách lấp đầy lỗ hổng này. Nó đã được tranh luận trong hơn hai năm và được thông qua bởi Ngân sách Quốc hội trong phiên.

Ấn Độ đang ở giữa thời kì đô thị hóa nhanh chóng, và dân số đô thị dự kiến tăng hơn gấp đôi lên khoảng 900 triệu dân trong ba thập kỉ tới. Thật không may, thậm chí ngay cả số dân hiện tại cũng không đủ nhà để

ở. Một ước tính của chính phủ trong năm 2012, đang thiếu hụt khoảng 19 triệu nhà ở. Nếu tình trạng thiếu hụt này được giảm bớt nhanh chóng thì việc lộn xộn trong lĩnh vực bất động sản của Ấn Độ sẽ được cải thiện.

Dự luật bất động sản tìm cách thiết lập các tiêu chuẩn cho hợp đồng giữa người mua và người bán. Tất cả mang tính minh bạch, đặc biệt là hàng hóa bất động sản ít, được thực thi khi người quảng bá phải lên chi tiết thông tin trên trang web của công ty quản lý.

Quan trọng hơn, các là tiêu chuẩn rõ ràng trong các điều khoản có nghĩa là giúp người mua sẽ không cảm thấy bị lừa sau khi sở hữu ngôi nhà. Trong hợp đồng để bảo vệ người mua đã trả trước, một phần tiền thu được từ dự án bất động sản được đưa vào một tài khoản ngân hàng riêng. Ngoài ra, do sự không chắc chắn tồn tại ở Ấn Độ trên các đề mục nhà đất, Dự luật cũng cung cấp đề mục bảo hiểm. Dự thảo này đã được xem xét kỹ lưỡng bởi hai ủy ban nghị viện và bây giờ nó được thông qua mà không có sự trì hoãn.

Dự luật này là một bước quan trọng trong việc cải cách thị trường bất động sản hiện tại, nhưng hành trình này không nên kết thúc. Chính quyền tiểu bang đóng một vai trò quan trọng trong lĩnh vực bất động sản và họ thường là nguồn gốc của các vấn đề. Một số ước tính gợi ý rằng các nhà phát triển bất động sản phải tìm kiếm sự đồng thuận của 40 đơn vị thuộc trung ương và tiểu bang, điều này dẫn đến sự chậm trễ và sự leo thang trong chi phí nhà đất. Một cách hợp lý khi dự án NDA của chính phủ cung cấp nhà ở đô thị ảnh hưởng tới việc tiểu bang tiếp cận tài trợ từ trung ương. Nếu không có cải cách bất động sản ở cấp bang, nó sẽ không thể đáp ứng nguyện vọng tiếp cận được việc làm nhà ở cho tất cả người dân đô thị.

Question 14. C

Kiến thức: Mệnh đề chỉ kết quả

Giải thích:

Tạm dịch: Học bạ trung học của anh ấy kém. Anh ấy không thể nộp hồ sơ vào trường đại học danh tiếng đó được.

A. Sai ngữ pháp: As a result of + noun/ noun phrase S + V

Câu đúng: As a result of his poor academic record at high school he failed to apply to that prestigious university.

B. Sai vì không thể rút gọn mệnh đề về dạng V_ing khi hai mệnh đề không cùng chủ ngữ “ he – his academic record”

C. Học bạ trung học của anh ấy kém; vì vậy, anh ấy không thể nộp hồ sơ vào trường đại học danh tiếng đó được. => đúng

as a result: kết quả là, vì vậy

D. Học bạ trung học của anh ấy kém bởi vì anh ấy đã không nộp hồ sơ vào trường đại học danh tiếng đó được. => nghĩa không phù hợp

Đáp án:C

Question 15. C

Kiến thức: Liên từ, mệnh đề bổ sung

Giải thích:

Tạm dịch: Hàng xóm mới của tôi là một tác giả nổi tiếng. Hàng xóm mới của tôi cũng là một nhà bình luận chính trị có sức ảnh hưởng lớn.

A. Hàng xóm mới của tôi là một tác giả nổi tiếng, và cô ấy là một nhà bình luận chính trị có sức ảnh hưởng lớn. => câu không phù hợp về nghĩa vì đề bài chưa xác định giới tính người hàng xóm là nam hay nữ

B. Người hàng xóm mới của tôi thích viết những quyển sách mới và bình luận về chính trị. => nghĩa không phù hợp

C. Người hàng xóm mới của tôi không những là một tác giả nổi tiếng mà còn là một nhà bình luận chính trị có sức ảnh hưởng lớn. => đúng

not only... but also...: không những mà còn

D. Người hàng xóm mới của tôi viết những quyển sách nổi tiếng, nhưng cô ấy không biết nhiều về chính trị. => nghĩa không phù hợp

Đáp án: C

Question 16. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Tác giả nghĩ cách tốt nhất để trẻ em học mọi thứ là gì?

A. Bằng cách lắng nghe những lời giải thích từ những người có kỹ năng

B. Bằng cách sao chép những gì người khác làm

C. Bằng cách hỏi rất nhiều câu hỏi

D. Bằng cách phạm phải sai lầm và sửa chữa chúng

Thông tin: In the same way, children learn all the other things they learn to do without being taught – to talk, run, climb, whistle, ride a bicycle – compare their own performances with those of more skilled people, and slowly make the needed changes.

Tạm dịch: Trong cùng một cách, trẻ học được tất cả những thứ khác mà chúng học để làm mà không được dạy – như nói, chạy, leo trèo, huýt sáo, đi xe đạp – so sánh sự thực hiện của chúng với những người có kỹ năng hơn, và từ từ khiến chúng có những thay đổi cần thiết.

Đáp án: B

Question 17. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Đoạn văn cho thấy rằng việc học nói và học cách đi xe đạp là _____.

A. về cơ bản giống như các kỹ năng khác

B. về cơ bản khác với học kỹ năng người lớn

C. không thực sự quan trọng kỹ năng

D. quan trọng hơn các kỹ năng khác

Thông tin: In the same way, children learn all the other things they learn to do without being taught – to talk, run, climb, whistle, ride a bicycle – compare their own performances with those of more skilled people, and slowly make the needed changes.

Tạm dịch: Trong cùng một cách, trẻ học được tất cả những thứ khác mà chúng học để làm mà không được dạy – như nói, chạy, leo trèo, huýt sáo, đi xe đạp – so sánh sự thực hiện của chúng với những người có kỹ năng hơn, và từ từ khiến chúng có những thay đổi cần thiết.

Đáp án: A

Question 18. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Tác giả nghĩ vì về các giáo viên đã làm những gì mà họ không nên làm?

A. Họ cho trẻ câu trả lời chính xác.

B. Họ cho phép trẻ đánh dấu công việc của mình.

C. Họ khuyến khích trẻ sao chép lẫn nhau.

D. Họ chỉ ra những sai lầm của trẻ đối với chúng.

Thông tin: We act as if we thought that he would never notice a mistake unless it was pointed out to him, or correct it unless he was made to. Soon he becomes dependent on the teacher. Let him do it himself.

Tạm dịch: Chúng ta hành động như thể chúng ta nghĩ rằng chúng sẽ không bao giờ nhận ra một sai lầm trừ khi có người chỉ cho chúng, hoặc sửa nó nếu chúng không tự làm được. Chẳng mấy chốc, chúng trở nên lệ thuộc vào giáo viên. Hãy để chúng tự mình làm.

Đáp án: D

Question 19. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "those" trong đoạn 1 có nghĩa là _____

A. kỹ năng

B. sự biểu diễn/ thực hiện

C. những thay đổi

D. mọi thứ

Thông tin: In the same way, children learn all the other things they learn to do without being taught – to talk, run, climb, whistle, ride a bicycle – compare their own performances with those of more skilled people, and slowly make the needed changes.

Tạm dịch: Trong cùng một cách, trẻ học được tất cả những thứ khác mà chúng học để làm mà không được dạy – như nói, chạy, leo trèo, huýt sáo, đi xe đạp – so sánh sự thực hiện của chúng với những người có kỹ năng hơn, và từ từ khiến chúng có những thay đổi cần thiết.

Đáp án: B

Question 20. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Theo đoạn 1, trẻ em học được những kỹ năng cơ bản nào mà không được dạy?

- A. đọc, nói và nghe
- B. nói, leo trèo, huýt sáo
- C. chạy, đi bộ, và chơi
- D. nói chuyện, chạy và trượt tuyết

Thông tin: In the same way, children learn all the other things they learn to do without being taught – to talk, run, climb, whistle, ride a bicycle...

Tạm dịch: Trong cùng một cách, trẻ học được tất cả những thứ khác mà chúng học để làm mà không được dạy – như nói, chạy, leo trèo, huýt sáo, đi xe đạp

Đáp án: B

Question 21. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Các kì thi, lên lớp và điểm số nên được bãi bỏ vì tiến bộ của trẻ em chỉ nên được ước tính bởi _____

- A. bố mẹ
- B. những người được đào tạo
- C. chính những đứa trẻ
- D. giáo viên

Thông tin: Let us throw them all out, and let the children learn what all educated persons must someday learn, how to measure their own understanding, how to know what they know or do not know.

Tạm dịch: Chúng ta hãy đưa chúng ra ngoài, và hãy để những đứa trẻ học từ tất cả mọi người trong nhiều ngày học, học cách làm thế nào để đo lường hiểu biết của chính bản thân chúng, làm thế nào để biết những gì chúng biết hoặc không biết.

Đáp án: C

Question 22. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

essential: (adj): bản chất, cần thiết

- A. wonderful (a): tuyệt vời

- B. important (a): quan trọng
C. complicated (a): phức tạp
D. difficult (a): khó khăn
=> important = essential

Đáp án: B

Question 23. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Tác giả lo ngại rằng trẻ em sẽ lớn lên thành những người lớn mà _____

- A. quá phê phán bản thân
B. không thể sử dụng các kỹ năng cơ bản
C. quá độc lập với người khác
D. không thể tự suy nghĩ

Thông tin: Soon he becomes dependent on the teacher. Let him do it himself.

Tạm dịch: Chẳng mấy chốc, chúng trở nên lệ thuộc vào giáo viên. Hãy để chúng tự mình làm.

Đáp án: D

Dịch bài đọc:

Hãy để trẻ em học cách đánh giá công việc của mình. Một đứa trẻ học cách nói chuyện về việc không học bằng việc dành thời gian sửa chữa. Nếu sửa chữa quá nhiều, chúng sẽ ngừng nói. Chúng nhận thấy một nghìn lần sự khác biệt giữa ngôn ngữ chúng sử dụng và ngôn ngữ xung quanh. Từng chút một, chúng thực hiện những thay đổi cần thiết để làm cho ngôn ngữ của chúng giống ngôn ngữ của người khác. Trong cùng một cách, trẻ học được tất cả những thứ khác mà chúng học để làm mà không được dạy – như nói, chạy, leo trèo, huýt sáo, đi xe đạp – so sánh sự thực hiện của chúng với những người có kỹ năng hơn, và từ từ khiến chúng có những thay đổi cần thiết. Nhưng ở trường, chúng ta không bao giờ cho trẻ một cơ hội để tìm ra những sai lầm của chính bản thân chúng, hãy để bản thân chúng tự sửa đổi. Chúng ta làm tất cả cho chúng. Chúng ta hành động như thể chúng ta nghĩ rằng chúng sẽ không bao giờ nhận ra một sai lầm trừ khi có người chỉ cho chúng, hoặc sửa nó nếu chúng không tự làm được. Chẳng mấy chốc, chúng trở nên lệ thuộc vào giáo viên. Hãy để chúng tự mình làm. Hãy để chúng làm việc, với sự giúp đỡ của những đứa trẻ khác nếu chúng muốn, những từ ngữ nói, hoặc những câu trả lời cho vấn đề, cho dù đây có phải là cách hay để nói hay làm điều này hay không.

Nếu nó là một vấn đề của câu trả lời đúng, vì nó có thể trong toán học hoặc khoa học, đưa cho chúng cuốn sách trả lời. Hãy để chúng tự sửa bài của mình. Tại sao chúng ta, giáo viên, lãng phí thời gian vào công việc thường ngày như vậy? Công việc của chúng ta nên giúp đỡ bọn trẻ khi chúng nói với chúng ta rằng chúng không thể tìm ra cách để có câu trả lời đúng. Hãy kết thúc tất cả những điều vô nghĩa này : lên lớp, kì thi và điểm số.

Hãy để chúng ta đưa chúng ra ngoài, và hãy để những đứa trẻ học từ tất cả mọi người trong nhiều ngày học, học cách làm thế nào để đo lường hiểu biết của chính họ, làm thế nào để biết những gì họ biết hoặc không biết.

Hãy để chúng tiếp tục công việc này theo cách có vẻ hợp lý nhất với chúng, với sự giúp đỡ của chúng ta với tư cách là giáo viên ở trường nếu chúng yêu cầu. Nghĩ về việc có một người hiểu biết được học ở trường và dành phần còn lại của cuộc đời là vô nghĩa trong một thế giới phức tạp và thay đổi nhanh chóng như chúng ta. Cha mẹ và giáo viên lo lắng nói: "Nhưng giả sử họ không học được điều gì đó cần thiết, điều gì khiến họ cần phải tiếp tục trên thế giới?" Đừng lo lắng! Nếu nó cần thiết, chúng sẽ đi ra thế giới và học nó.

Question 24. D

Kiến thức: Phát âm đuôi “-ed”

Giải thích:

Quy tắc phát âm đuôi “-ed”:

- /id/ khi động từ tận cùng là các âm /t/, /d/

- /t/ khi động từ tận cùng là các âm /s/, /p/, /f/, /tʃ/, /ʃ/, /θ/

- /d/ các âm còn lại

impressed /ɪmˈprest/

abolished /əˈbɒl.ɪʃt/

influenced /ˈɪn.flu.ənst/

heightened /ˈhaɪ.tənd/

Phần được gạch chân ở câu D được phát âm là /d/, còn lại được phát âm là /t/.

Đáp án:D

Question 25. B

Kiến thức: Phát âm “-our”

Giải thích:

savour /ˈseɪ.vər/

devour /dɪˈvaʊər/

favour /ˈfeɪ.vər/

flavour /ˈfleɪ.vər/

Phần được gạch chân ở câu B được phát âm là /aʊər/ còn lại phát âm là /ər/

Đáp án:B

Question 26. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Không có các cụm từ: focus-seeking, meditation-seeking, concentration-seeking

attention-seeking (a): cách hành xử gây chú ý/ làm người khác phải chú ý

Tạm dịch: Người trông trẻ đã kể với bố mẹ Billy về hành vi cư xử gây chú ý của cậu bé và cách thằng bé bắt đầu hành động khi họ rời khỏi nhà.

Đáp án:C

Question 27. D

Kiến thức:Cụm từ chỉ mục đích, câu bị động

Giải thích:

Cụm từ chỉ mục đích: in order to/ to + V

Cấu trúc bị động với cụm từ chỉ mục đích: in order to/ to + be Ved/ V3

Tạm dịch: Để được xếp hạng là một kiệt tác, một tác phẩm nghệ thuật phải vượt qua những giới hạn lý tưởng của thời kỳ nó được tạo ra.

Đáp án:D

Question 28. A

Kiến thức:Từ vựng

Giải thích:

disposable (a): chỉ dùng một lần

consumable (a): tiêu hao

spendable (a): có thể chi tiêu

available (a): có sẵn, sẵn sàng

Tạm dịch: Mỗi mảnh thiết bị chỉ dùng một lần được vứt vào lửa (được mang đi đốt).

Đáp án:A

Question 29. D

Kiến thức:Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

should have Ved/ V3: đáng lẽ ra nên (làm gì đó nhưng đã không làm)

would have Ved/ V3: sẽ (làm gì đó trong quá khứ nhưng đã không làm)

must have Ved/ V3: chắc có lẽ đã

could have Ved/ V3: đáng lẽ ra có thể (nhưng đã không làm gì đó)

Tạm dịch: Smith đã trốn thoát một cách may mắn. Anh ấy đáng lẽ có thể đã bị giết.

Đáp án: D

Question 30. C

Kiến thức:Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Cấu trúc câu hỏi đuôi: S + V (thể phủ định), trợ động (dạng khẳng định) + S?

Neither (không ai trong số 2 người/ vật này) mang nghĩa phủ định => câu hỏi đuôi dạng khẳng định

“came” là quá khứ đơn của “come” => dùng trợ động từ “did”

Tạm dịch: Hôm qua không ai trong số hai cậu bé này đi học, đúng không?

Đáp án:C

Question 31. A

Kiến thức:Từ vựng

Giải thích:

facilitate (v): tạo điều kiện

show (v): thể hiện

cause (v): gây ra

oppose (v): chống đối

Tạm dịch: Một người lãnh đạo giỏi trong sự toàn cầu hóa không áp đặt mà tạo điều kiện cho sự thay đổi.

Đáp án:A

Question 32. D

Kiến thức:Cấu trúc với động từ “warn”

Giải thích:

warn + O + (not) to V = warn + O + against + Ving: cảnh báo ai đừng làm việc gì

Tạm dịch: Ông cụ cảnh báo mấy cậu bé đừng bơi ở dòng sông sâu này.

Đáp án:D

Question 33. D

Kiến thức:Từ vựng

Giải thích:

distinguishing (a): phân biệt

distinct (a): khác biệt

distinctive (a): đặc biệt, riêng biệt

distinguished (a): vang danh, nổi tiếng

Tạm dịch: Cha anh ấy từng là giáo sư nổi tiếng ở trường đại học này. Nhiều sinh viên tôn thờ ông.

Đáp án:D

Question 34. D

Kiến thức:Câu điều kiện loại 3

Giải thích:

Cấu trúc câu điều kiện loại 3: If + S + had (not) + Ved/ V3, S + would/ could (not) have + Ved/ V3

Tạm dịch: Nếu Tim không lái xe quá nhanh, ô tô của anh ấy sẽ không đâm vào cái cây.

Đáp án:D

Question 35. A

Kiến thức:Thành ngữ

Giải thích:

rank and file: những thành viên bình thường

fight tooth and nail: đấu tranh quyết liệt

eager beavers: người cuồng nhiệt, làm việc chăm chỉ

old hand: người thâm niên

Tạm dịch: Hầu hết những thành viên bình thường trong nhà máy này không làm việc nghiêm túc và có hiệu quả.

Đáp án:A

Question 36. A

Kiến thức: Đảo ngữ với “Not only”

Giải thích:

Cấu trúc với “Not only”: Not only + auxiliary verb (trợ động từ) + S + V (động từ chính) but S + V

Tạm dịch: Không những nhân loại được nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý học mà lỗi hành xử của động vật cũng được kiểm tra.

Đáp án:A

Question 37. D

Kiến thức: Cụm động từ

Giải thích:

water sth down: hóa lỏng

give out: cạn kiệt, ngừng làm việc

get away: đi nghỉ mát

hold off: trì hoãn

Tạm dịch: May thay, mưa đã tạnh vì vậy chúng tôi có thể chơi trận đấu.

Đáp án:D

Question 38. B

Kiến thức: Từ đồng nghĩa

Giải thích:

come out of his shell: trở nên tự tin hơn khi trò chuyện với người khác

hole: ẩn nấp

become confident: trở nên tự tin

shed: lột vỏ

become shy: trở nên ngại ngùng

=> come out of his shell = become confident

Tạm dịch: Bây giờ, có thể anh ấy còn ngại ngùng, nhưng anh ấy sẽ sớm trở nên tự tin khi gặp cô gái thích hợp.

Đáp án:B

Question 39. C

Kiến thức: Từ đồng nghĩa

Giải thích:

abstinence (n): sự kiêng cử

sickness (n): bệnh

pretension (n): sự giả vờ

avoidance (n): sự tránh né

absence (n): sự vắng mặt

=> abstinence = avoidance

Tạm dịch: Cách trị nghiện rượu duy nhất là hoàn toàn tránh xa rượu.

Đáp án:C

Question 40. C

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Cần đại từ quan hệ thay thế cho danh từ chỉ vật “books” trước đó.

them => which

Tạm dịch: Anh ấy đã mua nhiều sách, anh ấy chưa đọc quyển nào trong số đó.

Đáp án:C

Question 41. A

Kiến thức: Lượng từ/ Từ chỉ định lượng

Giải thích:

few + danh từ số nhiều: một ít

little + danh từ không đếm được: một ít

evidence: bằng chứng => danh từ không đếm được

few => little

Tạm dịch: Có rất ít bằng chứng cho thấy rằng trẻ em ở lớp ngôn ngữ học ngoại ngữ tốt hơn người lớn trong trình trạng lớp học tương tự.

Đáp án:A

Question 42. A

Kiến thức: Động từ tình thái

Giải thích:

Những động từ tình thái như: sound, hear, appear, taste, smell, feel,... khi dùng để diễn tả cảm xúc và trạng thái không được chia thì tiếp diễn mà phải dùng thì đơn.

isn't sounding => doesn't sound

Tạm dịch: Lý thuyết này có vẻ như không còn thuyết phục nữa vì đã bị nhiều học giả phản đối.

Đáp án:A

Question 43. C

Kiến thức:Trạng từ chỉ thời gian

Giải thích:

before 2000: trước năm 2000

until 2000: cho đến năm 2000

by 2000: tính đến năm 2000

in 2000: trong năm 2000

Để diễn tả một kế hoạch sẽ hoàn thành vào một thời điểm nào đó ta dùng “by + mốc thời gian.”

It is estimated that three-quarters of a billion people go on holiday each year, and industry planners expect this figure to double (43) **by** 2020.

Tạm dịch: Người ta ước tính rằng 3/4 tỉ (750 triệu) người đi nghỉ mỗi năm, và các nhà hoạch định ngành du lịch con số này sẽ tăng gấp đôi vào năm 2020.

Đáp án:C

Question 44. A

Kiến thức:Liên từ

Giải thích:

However: Tuy nhiên

Therefore: Vì vậy

Yet: Nhưng

In addition: Thêm vào đó

(44) **However**, along with the economic benefits, this mass movement of people has resulted in threats to the environment.

Tạm dịch: Tuy nhiên, cùng với những lợi ích kinh tế, phong trào quần chúng này của con người đã dẫn đến những mối đe dọa đến môi trường.

Đáp án:A

Question 45. B

Kiến thức:Đại từ quan hệ

Giải thích:

Đại từ quan hệ “which” thay thế cho cả mệnh đề đứng trước đó và trước “which” phải có dấu phẩy.

People often forget the damage caused by carbon emissions from aircraft, (45) **which** contribute directly to global warming.

Tạm dịch: Mọi người thường quên những thiệt hại do khí thải carbon từ máy bay, điều này góp phần trực tiếp vào sự nóng lên toàn cầu.

Đáp án:B

Question 46. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

concerns (n): mối lo ngại, sự quan tâm

priorities (n): sự ưu tiên

scenarios (n): viễn cảnh

issues (n): vấn đề

In response to these (46) **concerns**, some travel operators now offer environment-friendly holidays.

Tạm dịch: Đáp lại những lo ngại này, một số nhà điều hành du lịch hiện cung cấp các ngày lễ thân thiện với môi trường.

Đáp án:A

Question 47. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

voting (v): bầu chọn

promoting (v): thúc đẩy, quảng bá

empowering (v): ủy quyền

permitting (v): cho phép

Many of these aim to reduce the negative effects of tourism by (47) **promoting** only hotels that have invested equipment to recycle waste and use energy and water efficiently.

Tạm dịch: Nhiều người trong số này nhằm giảm các tác động tiêu cực của du lịch bằng cách khuyến khích chỉ các khách sạn đã đầu tư trang thiết bị để tái chế chất thải và sử dụng năng lượng và nước một cách hiệu quả.

Đáp án:B

Dịch bài đọc:

Khoảng 200 triệu người được tuyển dụng trong ngành du lịch trên toàn thế giới, điều này làm cho du lịch trở thành ngành công nghiệp lớn nhất trong nền kinh tế toàn cầu hiện đại. Người ta ước tính rằng 3/4 tỷ (750 triệu) người đi nghỉ mỗi năm, và các nhà hoạch định ngành dự kiến con số này sẽ tăng gấp đôi vào năm 2020. Một số người hưởng lợi lớn nhất là các nước kém phát triển hơn, nơi mà du lịch thường là nguồn thu nhập chính của họ.

Tuy nhiên, cùng với những lợi ích kinh tế, phong trào quần chúng này của con người đã dẫn đến những mối đe dọa đến môi trường. Mọi người thường quên những thiệt hại do khí thải carbon từ máy bay, cái mà góp phần trực tiếp vào sự nóng lên toàn cầu. Nạn phá rừng đã san bằng đất để xây dựng khách sạn, sân bay và đường sá, và điều này đã hủy diệt động vật hoang dã. Ở một số khu vực, tình trạng thiếu nước hiện nay phổ

biển vì cần phải lấp đầy các hồ bơi và sân golf nước cho khách du lịch. Bằng cách tăng giá hàng hóa và dịch vụ, du lịch cũng có thể gây hại cho những người dân sống tại các điểm du lịch.

Để đối phó với những lo ngại này, một số nhà điều hành du lịch hiện cung cấp các ngày lễ thân thiện với môi trường. Nhiều hoạt động trong số này nhằm giảm các tác động tiêu cực của du lịch bằng cách khuyến khích chỉ các khách sạn đã đầu tư trang thiết bị để tái chế chất thải và sử dụng năng lượng và nước một cách hiệu quả. Ngày càng nhiều, khách du lịch cũng đang được nhắc nhở thể hiện sự tôn trọng đối với phong tục của những người họ sẽ đến thăm quốc gia của họ, và để hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương, chẳng hạn như nhà hàng và cửa hàng phụ thuộc vào du lịch cho thu nhập chính của họ

Question 48. C

Kiến thức: Cấu trúc "It was not until..."

Giải thích:

It was not until... that + S + Ved/ V2: mãi cho đến khi ... thì

Tạm dịch: Mãi cho đến khi tôi về đến nhà thì tôi mới nhận ra rằng chưa cài chuông báo trộm trong văn phòng.

A. May mắn thay, tôi đã nhận ra mình chưa cài chuông báo trộm ngay trước khi về nhà; nếu không, tôi sẽ phải đi ngược lại về văn phòng. => nghĩa không phù hợp

B. Trên đường về nhà, tôi đột nhiên nhớ ra rằng đã quên bật chuông báo trộm trong văn phòng. => nghĩa không phù hợp

C. Tôi đã không bật chuông báo trộm trước khi rời khỏi văn phòng, nhưng tôi chỉ nhận ra điều này sau khi về đến nhà. => đúng

D. Tôi ước gì đã nhận ra trước khi về đến nhà rằng đã không bật chuông báo trộm trong văn phòng, thì sẽ dễ dàng hơn để đi và cài đặt nó. => nghĩa không phù hợp

Đáp án: C

Question 49. C

Kiến thức: Tìm câu đồng nghĩa với câu đã cho

Giải thích:

Tạm dịch: Phil muốn được tách ra khỏi gia đình của mình trong chuyến đi công tác này ít thời gian hơn chuyến công tác trước.

A. Vì anh đã rất thích xa gia đình trong một thời gian dài trong chuyến công tác vừa rồi, Phil hy vọng chuyến đi này sẽ còn lâu hơn nữa. => nghĩa không phù hợp

B. Phil biết rằng chuyến đi công tác mà anh sắp sửa thực hiện sẽ khiến anh xa gia đình ít hơn thời gian trước đó. => nghĩa không phù hợp

C. Trong chuyến đi công tác này, Phil hy vọng anh sẽ không xa gia đình trong một thời gian dài như chuyến đi trước đó. => đúng

D. Không còn muốn đi công tác lâu dài vì họ tách anh ta ra khỏi gia đình, Phil không thích đi nữa. => nghĩa không phù hợp

Đáp án:C

Question 50. D

Kiến thức: Tìm câu đồng nghĩa với câu đã cho

Giải thích:

Tạm dịch: Khi có quá nhiều giao thông trên đường, thỉnh thoảng đi bộ nhanh hơn đi bằng ô tô.

A. Giao thông luôn luôn rất là đông đúc đến nỗi mà bạn nên đi bộ đi làm; nó nhanh hơn. => nghĩa không phù hợp

B. Ngày nay có quá nhiều giao thông đến nỗi mà đi bộ thoải mái hơn là đi ô tô. => nghĩa không phù hợp

C. Trong giờ cao điểm, đi bộ cho tôi nhiều niềm vui hơn là lái ô tô khi giao thông đông đúc. => => nghĩa không phù hợp

D. Đi bộ nhanh hơn là lái ô tô khi giao thông đông đúc vào những khoảng thời gian nhất định trong ngày. => đúng

at certain time = sometimes: thỉnh thoảng

Đáp án:D